

làm việc được hoặc phải chờ đợi, thì chủ hàng hay tàu phải bồi thường cho Cảng như hợp đồng hai bên đã ký kết hoặc theo quy định trong biểu cảng phí. Ngược lại, nếu Cảng không xếp, dỡ đúng hợp đồng đã ký, gây thiệt hại cho chủ hàng, cho tàu, thì Cảng cũng phải chịu theo hợp đồng mà bồi thường cho chủ hàng hay cho tàu.

Điều 41. — Đối với việc xếp, dỡ khoán, nếu hoàn thành trước thời hạn quy định của hợp đồng, thì Cảng được thưởng, và bị phạt nếu làm chậm trễ.

Điều 42. — Thủ tục về việc bồi thường quy định như sau :

a) Chủ hàng đòi bồi thường về hàng hóa hư hỏng mất mát phải gửi giấy yêu cầu bồi thường cho Cảng chậm nhất là 5 ngày sau ngày nhận hàng hóa kèm theo những giấy tờ cần thiết như : chứng nhận giám định, biên bản hàng dỡ vỡ, giấy khai hàng, phiếu nhận hàng, hóa đơn mua hàng, biên lai nộp thuế, v.v... Chậm nhất là 20 ngày sau ngày nhận được giấy yêu cầu bồi thường, Cảng phải bồi thường, hoặc trả lời cho chủ hàng nếu không bồi thường.

b) Chủ hàng đòi Cảng bồi thường về xếp, dỡ chậm trễ phải gửi giấy yêu cầu bồi thường chậm nhất là 3 ngày sau ngày hoàn thành việc xếp, dỡ. Cảng phải bồi thường chậm nhất là 20 ngày sau ngày nhận được giấy yêu cầu bồi thường. Nếu Cảng không nhận bồi thường, thì trong thời hạn 5 ngày, Cảng phải trả lời cho chủ hàng biết,

c) Cảng đòi bồi thường về những tổn thất do chủ hàng hay tàu gây ra phải gửi giấy yêu cầu bồi thường chậm nhất là 5 ngày sau ngày phát hiện ra thiệt hại. Chủ hàng hoặc tàu phải giải quyết bồi thường cho Cảng trong hạn 20 ngày. Nếu chủ hàng hay tàu không nhận bồi thường, thì phải trả lời cho Cảng trong thời hạn 5 ngày sau khi nhận được giấy của Cảng.

CHƯƠNG VII

XỬ LÝ CÁC VỤ TRANH CHẤP

Điều 43. — a) Mọi tranh chấp giữa Cảng và chủ hàng, giữa cảng và người làm vận tải trong nước về việc thi hành các hợp đồng xếp, dỡ, vận chuyển và bảo quản hàng hóa đều do Hội đồng trọng tài xử lý nếu chủ hàng hoặc người làm vận tải là cơ quan Nhà nước, xí nghiệp quốc doanh, xí nghiệp công tư hợp doanh. Nếu chủ hàng là tư nhân hoặc hợp tác xã thì do Ủy ban hành chính địa phương giải quyết, và nếu cần thì do Tòa án xét xử.

b) Mọi tranh chấp giữa Cảng và tàu nước ngoài về việc xếp, dỡ, giao nhận hàng hóa đều do cơ quan Trọng tài hàng hải xử lý.

Ban hành kèm theo nghị định số 38-CP ngày 8-3-1962

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

PHỦ THỦ TƯỚNG

THÔNG TƯ số 34-TTg ngày 14-3-1962 về việc trích lập quỹ xí nghiệp năm 1961.

Kính gửi: Các Bộ, các ngành trung ương.

Các Ủy ban hành chính các địa phương,

Nhiều văn kiện của Nhà nước đã quy định việc trích lập và sử dụng quỹ xí nghiệp trong các xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh : thông tư số 133-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1957, các thông tư bổ sung số 432-TTg ngày 5 tháng 12 năm 1959 và số 25-TTg ngày 18 tháng 1 năm 1961, thông tư số 51-TTg ngày 8 tháng 2 năm 1961 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong mấy năm nay, chế độ quỹ xí nghiệp đã phát huy nhiều tác dụng tốt :

1. Trên cơ sở giáo dục chính trị, sự quan tâm đến lợi ích vật chất đã cổ vũ được nhiệt tình lao động của đông đảo quần chúng công nhân và cán bộ ; thúc đẩy được sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ, củng cố và nâng dần chất lượng hạch toán kinh tế trong các xí nghiệp.

2. Tạo được điều kiện để các xí nghiệp dần dần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần và điều kiện làm việc của toàn thể cán bộ, công nhân viên.

Song bên cạnh kết quả đó, quá trình trích lập và sử dụng quỹ xí nghiệp cũng đã bộc lộ những nhược điểm và thiếu sót :

1. Trong thực tế, do nhiều yếu tố phức tạp về giá cả, chất lượng kế hoạch, khâu thu... nên tỷ lệ trích lập quỹ xí nghiệp chưa được hoàn toàn hợp lý, và chưa thể hiện được đầy đủ sự chiểu cố đến các ngành có điều kiện lao động nặng nhọc.

2. Điều kiện xét và phê chuẩn trích lập quỹ xí nghiệp còn chưa được tôn trọng chặt chẽ, làm cho tác dụng thúc đẩy việc cải tiến quản lý xí nghiệp của chế độ quỹ xí nghiệp chưa được phát huy đầy đủ ; việc vận dụng lợi ích vật chất có khi đưa đến tình trạng bảo thủ trong khi lập kế hoạch.

3. Tinh chất và ý nghĩa của quỹ xí nghiệp chưa được quán triệt đầy đủ trong việc sử dụng quỹ, xu hướng phổ biến ở nhiều nơi là chỉ chú ý đến phúc lợi mà chưa quan tâm đầy đủ đến phục vụ sản xuất, sử dụng thường và cứu tế cá nhân nhiều mà dùng vào tập thể chưa thỏa đáng...

Để khắc phục các thiếu sót và nhược điểm trên, đề cao được tinh chất và ý nghĩa của việc trích lập và sử dụng quỹ xí nghiệp nhằm phát huy tác dụng của chế độ quỹ xí nghiệp thúc đẩy hạch toán kinh tế tốt, Hội đồng Chính phủ, trong phiên họp thường vụ ngày 8 tháng 2 năm 1962 đã quy định một số điểm bổ sung như sau :

1. Trong khi chờ đợi sửa đổi chế độ quỹ xí nghiệp (sau khi ban hành chế độ thu quốc doanh), để bảo đảm một tỷ lệ trích quỹ xí nghiệp trong đối cân đối giữa các ngành, trong khi xét duyệt việc trích lập quỹ xí nghiệp năm 1961, nếu gặp trường hợp cá biệt có xí nghiệp ngành công nghiệp nặng có mức quỹ xí nghiệp được trích tính bình quân đầu người quá thấp, thì các Bộ có thể cho phép các xí nghiệp đó trích thêm cho hợp lý; các Bộ xét và đề nghị với Thủ tướng Chính phủ quyết định mức trích thêm.

2. Về điều kiện trích lập quỹ xí nghiệp năm 1961: sẽ giữ nguyên như đã quy định hiện nay, nhưng phải nắm vững các điều kiện đó, chống mọi hiện tượng hạ thấp điều kiện (quy định trong thông tư số 133-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1957 và các thông tư bổ sung số 432-TTg ngày 5 tháng 12 năm 1959 và số 25-TTg ngày 18 tháng 1 năm 1961).

Thủ tục trích lập và xét duyệt quỹ xí nghiệp từ nay quy định như sau:

— Xét các xí nghiệp được hay không được trích lập quỹ xí nghiệp năm 1961, đều phải dựa trên kết quả chính xác của việc quản lý kinh doanh, dựa vào quyết toán và việc phân tích hoạt động kinh tế... toàn năm của xí nghiệp. Phải căn cứ vào sự phân tích, đánh giá toàn diện như trên để đối chiếu với các điều kiện quy định, mà quyết định trích lập quỹ xí nghiệp.

— Các xí nghiệp (có công đoàn xí nghiệp tham gia) phải phân tích, đánh giá kết quả hoạt động cả năm 1961 của xí nghiệp mình, đối chiếu với các điều kiện do Nhà nước quy định để tự xét và đề nghị trích lập quỹ xí nghiệp lên Bộ hoặc ngành chủ quản.

— Mỗi Bộ hoặc ngành chủ quản phải lập một Hội đồng do Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng chủ trì, gồm đại biểu các Vụ (kế hoạch, tài vụ, kỹ thuật, cung tiêu, lao động tiền lương...) và mời đại biểu của công đoàn ngành dọc tham gia (nếu có), để xét và đề nghị Bộ trưởng hoặc Tổng cục trưởng quyết định trích lập quỹ xí nghiệp cho các đơn vị xí nghiệp thuộc ngành mình.

— Hội đồng chỉ xét trích lập quỹ xí nghiệp cho các đơn vị đã có báo cáo quyết toán chính thức năm 1961 đúng thời hạn do chế độ quy định.

Hội đồng báo cáo quyết định về việc trích lập quỹ xí nghiệp của ngành mình lên Phủ Thủ tướng, đồng gửi đến Bộ Tài chính để theo dõi.

— Mỗi địa phương (tỉnh, thành, khu) lập một Hội đồng do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban hành chính chủ trì, gồm đại biểu các ngành liên quan và công đoàn địa phương, xét và đề nghị Ủy

ban hành chính quyết định trích lập quỹ xí nghiệp cho các đơn vị xí nghiệp thuộc quyền quản lý của địa phương.

3. Việc trích lập quỹ xí nghiệp năm 1961 của các xí nghiệp công tư hợp doanh quy định như sau:

— Đối với các xí nghiệp công tư hợp doanh đã thi hành chế độ hạch toán kinh tế đều áp dụng chế độ trích lập và sử dụng quỹ xí nghiệp năm 1961 thống nhất như các xí nghiệp quốc doanh. Số lợi nhuận được căn cứ tính để trích lập quỹ xí nghiệp bao gồm số lợi nhuận nộp ngân sách Nhà nước và số tức trả cho nhà tư sản.

— Đối với các xí nghiệp công tư hợp doanh chưa thi hành chế độ hạch toán kinh tế, thì vẫn xét thưởng năm 1961 theo chế độ tạm thời quy định trong thông tư số 51-TTg ngày 8 tháng 2 năm 1961 của Thủ tướng Chính phủ, nghĩa là được trích 4,5% trên lợi nhuận xí nghiệp (sau khi đã trừ tức cho nhà tư sản) để chi thưởng thi đua, trợ cấp khó khăn và phúc lợi tập thể.

Kể từ năm 1962, chế độ thưởng tạm thời theo thông tư số 51-TTg ngày 8 tháng 2 năm 1961 trên đây sẽ bãi bỏ; tất cả các xí nghiệp công tư hợp doanh sẽ áp dụng chế độ trích lập và sử dụng quỹ xí nghiệp thống nhất như các xí nghiệp quốc doanh nếu không hạch toán kinh tế thì các xí nghiệp công tư hợp doanh cũng không còn được xét thưởng, dưới bất cứ hình thức nào nữa.

Ủy ban hành chính địa phương tập trung quản lý quỹ 4,5% trích trên lợi nhuận xí nghiệp của các xí nghiệp công tư hợp doanh chưa hạch toán kinh tế, và tùy từng xí nghiệp để quyết định mức phân phối hợp lý; tuy nhiên, ở bất kỳ trường hợp nào mức được phân phối tính bình quân đầu người cho một xí nghiệp công tư hợp doanh chưa hạch toán kinh tế cũng không được cao hơn, so với một xí nghiệp cùng loại đã hạch toán kinh tế được trích quỹ xí nghiệp (theo chế độ thống nhất với các xí nghiệp quốc doanh).

Bộ Lao động chịu trách nhiệm nghiên cứu và hướng dẫn các địa phương sử dụng quỹ 4,5% đã nói ở trên.

4. Mỗi Bộ, mỗi ngành, mỗi địa phương cần tiến hành kiểm điểm tình hình trích lập và sử dụng quỹ xí nghiệp từ trước tới nay, bàn bạc việc trích lập và sử dụng quỹ xí nghiệp năm 1961. Nội dung kiểm điểm cần chú ý giải quyết các nhận thức sai trái với tính chất và ý nghĩa của quỹ xí nghiệp.

Các Bộ, các ngành trung ương phải báo cáo tình hình sử dụng quỹ xí nghiệp của ngành mình cho Bộ Lao động và Bộ Tài chính.

Trên đây là những quy định bổ sung về việc trích lập và sử dụng quỹ xí nghiệp năm 1961.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị các Bộ, các ngành, các Ủy ban hành chính có chỉ thị hướng dẫn các xí nghiệp chấp hành, đồng thời kiểm tra việc chấp hành cho tốt.

Hà nội, ngày 14 tháng 3 năm 1962

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM HÙNG

THÔNG TƯ số 36-TTg ngày 14-3-1962 về việc quy định chế độ báo cáo thi đua của các Bộ, các ngành và các địa phương.

Được vào năm 1962, phong trào thi đua yêu nước đang phát triển rộng rãi và mạnh mẽ. Việc đẩy mạnh thi đua tập thể, việc đẩy mạnh giao ước thi đua giữa các ngành, các cơ sở, nhằm hoàn thành vượt mức toàn diện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, cũng đang được xúc tiến ở khắp các địa phương.

Để kịp thời theo dõi phong trào và có biện pháp tăng cường chỉ đạo, giúp đỡ giải quyết khó khăn đưa phong trào thi đua không ngừng tiến lên, Thủ tướng quy định chế độ báo cáo thường xuyên về tình hình phong trào thi đua cho các ngành và các địa phương như sau:

1. Hàng tháng, hàng quý, hàng năm, các Bộ, các Tổng cục, các Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh, phải kết hợp với việc kiểm điểm thực hiện kế hoạch Nhà nước mà kiểm điểm nhận định về phong trào thi đua của ngành mình, của địa phương mình. Khi gửi báo cáo thực hiện kế hoạch, thì đồng thời gửi báo cáo thi đua về Thủ tướng.

2. Nội dung báo cáo thi đua nhằm phản ánh những điểm sau đây:

a) Báo cáo hàng tháng:

— Phản ánh những thành tích phát huy sáng kiến, những sáng kiến mới được quần chúng đề xuất, cần có sự lãnh đạo giúp đỡ nghiên cứu hoàn thành, có tầm quan trọng giải quyết khó khăn trong phân xưởng, xưởng, công trường, hợp tác xã, bệnh viện, trường học, cơ quan, hoặc trong từng ngành, nghề.

— Những hình thức tổ chức động viên cần được nghiên cứu áp dụng như: hình thức thi đua thao diễn kỹ thuật, các hình tượng, biểu đồ, các cuộc thi nông cụ, gia súc...

— Những cuộc phát động thi đua ngắn hạn hưởng ứng những ngày kỷ niệm lịch sử...

b) Báo cáo hàng quý:

— Như nội dung báo cáo hàng tháng, thêm phần báo cáo kết quả trong sản xuất, trong công tác, có nhận xét và sơ bộ kết luận.

— Sơ bộ kiểm điểm kết quả thiết thực của phong trào, tình hình tổ chức lãnh đạo phong trào. Chú trọng nêu lên những lệch lạc của phong trào, của lãnh đạo các cấp, cần được uốn nắn, đồng thời đề ra phương hướng và biện pháp uốn nắn.

c) Báo cáo tổng kết cuối năm:

— Nêu lên những đặc điểm của phong trào thi đua trong năm, những nhân tố mới đã thúc đẩy phong trào, có so sánh với năm trước, nhằm vào các điểm chủ yếu sau đây:

Sự phát triển của phong trào thi đua tập thể của các đơn vị, xí nghiệp, công trường, hợp tác xã, bệnh viện, trường học, cơ quan, các tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, các đơn vị điển hình và tác dụng của nó.

Những sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức và lề lối làm việc đạt được những hiệu quả kinh tế và năng suất công tác lớn, tình hình xác minh, phổ biến, áp dụng và khen thưởng sáng kiến.

— Những bài học kinh nghiệm về nội dung, hình thức và tổ chức lãnh đạo thi đua.

Những vấn đề tồn tại và phương hướng thi đua trong năm tới.

d) Các báo cáo chuyên đề:

Ngoài các báo cáo chung, cần có những báo cáo chuyên đề, có thể gửi theo báo cáo hàng quý, về các vấn đề sau đây:

— Báo cáo kết quả cụ thể của từng đợt vận động thi đua ngắn hạn do Bộ, địa phương đề ra.

— Báo cáo những kinh nghiệm tốt về nội dung và hình thức động viên thi đua.

— Báo cáo về những sáng kiến đã được xác minh có tác dụng lớn, giải quyết được khó khăn chủ yếu cho từng ngành, nghề.

— Báo cáo về kinh nghiệm bồi dưỡng anh hùng, chiến sĩ thi đua, tổ, đội lao động tiên tiến và lao động xã hội chủ nghĩa.

— Báo cáo tình hình thi đua của lá cờ đầu trong ngành, trong địa phương, của những đơn vị điển hình.

e) Các báo cáo cần ngắn, gọn Báo cáo hàng tháng không nên dài quá một trang rưỡi, báo cáo hàng quý không quá 3 trang, báo cáo hàng năm không

www.thuvienhoabinh.vn Tel: 84-8-8645 688